

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2018/DS-ST**
Ngày 13-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Công Đăng;

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau tham gia phiên
tòa:** Ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2017/TLST-DS ngày 30 tháng 11 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: bà Điệp Thị K, sinh năm: 1947.

Địa chỉ: ấp 8, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Người làm chứng: Anh Điệp Văn T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp 8, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2017, nguyên đơn bà Huỳnh Thị H yêu cầu bà Điệp Thị K trả số vàng vay là 11 chỉ vàng 24k và tiền lãi là 23.400.000 đồng, vay từ ngày 28/7/2016 âm lịch (khi vay là 1 sợi dây chuyền 10 chỉ và 01 mặt dây chuyền 01 chỉ). Khi vay hẹn đến 28/11/2016 âm lịch sẽ trả lại vốn và lãi. Bà K đồng ý trả lãi cho bà mỗi tháng 200.000 đồng/1 chỉ. Tính đến

ngày 28/9/2017 âm lịch là 15 tháng (vì tháng có 2 tháng 6) tiền lãi bà K phải đóng là 30.000.000 đồng nhưng bà K đã đóng được 6.600.000 đồng, còn nợ tiền lãi là 23.400.000 đồng đến nay bà K vẫn chưa trả cho bà số vàng và tiền lãi nên bà yêu cầu tòa án giải quyết như nêu trên. Tại phiên tòa, bà H xác định bà K đã đóng lãi được 4 tháng bằng 8.800.000 đồng. Bà yêu cầu bà K trả 11 chỉ vàng 24 K đã vay và tiền lãi là 20.000.000 đồng.

Chứng cứ bà Nguyễn Thị H cung cấp gồm: Bản phô tô biên nhận; Bản gốc biên bản ngày 25/11/2017 (01 tờ); Bản gốc biên bản hòa giải ngày 25/11/2017.

Tại phiên hòa giải ngày 18 tháng 12 năm 2017 và tại phiên tòa, bị đơn bà Điệp Thị K trình bày: bà không vay vàng của bà H. Số vàng bà H kiện bà là số vàng bà rủ bà H hùn cổ đất của bà T, hợp đồng cổ đất do Điệp Văn T là cháu của bà và là con rể của bà H đứng tên (cổ đất của bà T bằng 20 chỉ vàng 24K, bà H 11 chỉ, của bà 9 chỉ, diện tích mặt tiền đất cổ bằng 20 mét). Bà chỉ ký giấy để đảm bảo số vàng của bà H không bị mất. Giấy biên nhận bà ký cho bà H là nhằm mục đích số vàng của bà H do bà chịu trách nhiệm lấy tiền lãi của bà T giao lại cho bà H. Trong biên nhận thỏa thuận lãi của 11 chỉ vàng 24K của bằng 2.000.000 đồng nhưng bà H yêu cầu bà trả lãi của 11 chỉ vàng bằng 2.200.000 đồng/tháng (lãi mỗi chỉ bằng 200.000 đồng/tháng) bà vẫn đồng ý và bà đã trả lãi được 4 tháng bằng 8.800.000 đồng. Nay bà H kiện đòi bà số vàng 11 chỉ 24K và lãi bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả vàng cho bà H nếu bà T và ông T đồng ý chuyển hợp đồng cổ cho bà hoặc là trừ tiền hụi mà ông T hốt.

Tài liệu chứng cứ bà K cung cấp cho Tòa án gồm có: bản phô tô 02 biên nhận hỏi tiền cổ đất ngày 29/7/2016 âm lịch.

Tại biên bản ghi lời khai 18/01/2018 và tại phiên tòa, ông Điệp Văn T trình bày: anh là cháu của bà K kêu bà K là cô bà K thứ 7 (cha ông thứ 6), bà H là mẹ vợ anh. Giấy biên nhận vàng giữa bà H và bà K ký là do anh viết, anh ký tên làm người làm chứng trong biên nhận. Khi viết biên nhận và nhận vàng chỉ có bà K, bà H việc giao nhận vàng tại nhà của anh. Bà K cho rằng anh có đứng tên dùm trong giấy cổ đất của bà K với bà T là đúng, số vàng cổ đất trong biên nhận cổ đất là của bà K đưa cho bà T, không phải của ông. Đối với yêu cầu của bà K đối với ông đó là giao dịch khác nên ông không có ý kiến.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Phan Thanh T trình bày: do hoàn cảnh khó khăn bà có vay vàng của bà K và cổ đất, bà K không có nên hỏi mẹ vợ của Tiếp đưa lại cho bà, khi làm giấy tờ chỉ có ông T không có bà H, bà có đóng lãi cho ông T có mặt của bà K. Số vàng bà K vay bà H để đưa cho bà là 11 chỉ vàng 24 K trong số vàng cổ đất 20 chỉ vàng 24K. Số vàng bà thiếu bà đồng ý trả nhưng do khó khăn bà sẽ trả dần.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân thủ pháp luật trong thời hạn chuẩn bị xét xử thẩm phán đã thực hiện đầy đủ theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm. Người tham gia phiên tòa đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phát biểu về nội dung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà H và bà K được xác định là tranh chấp về việc vay tài sản. Bà K không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của bà H. Bà Kiện là bị đơn có địa chỉ tại ấp 8, xã H, huyện M, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nội dung tranh chấp: bà H kiện đòi bà K 11 chỉ vàng 24K, bà K không đồng ý có vay vàng nên không đồng ý trả.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà K thừa nhận có ký tên trong biên nhận do ông T viết giao cho bà H mà bà H đã nộp cho Tòa án.

Biên nhận do ông Điệp Văn T viết và ký tên người làm chứng do bà H nộp có nội dung “cô Điệp Thị Kiệu có hỏi mẹ Huỳnh Thị Hằng 11 chỉ vàng 24K (mười một chỉ) Hôm nay ngày 27/7/2016 ÂL đến ngày 27/11/2016 ÂL sẽ hoàn trả lại đầy đủ đóng lãi một tháng là 2.000.000 (hai triệu)” có bà H, bà K ký tên.

Các đương sự thừa nhận có ký tên và xác lập giao dịch thể hiện trong biên nhận nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định biên nhận do bà H cung cấp là chứng cứ các bên thừa nhận nên không phải chứng minh và theo nội dung của biên nhận trên thì Hội đồng xét xử xác định bà K có vay của bà H là 11 chỉ vàng 24K, lãi thỏa thuận là 2.000.000 đồng/tháng. Bà K vẫn chưa trả số vàng này nên bà H yêu cầu bà K trả vàng là có cơ sở chấp nhận.

Bà K cho rằng số vàng của bà H giao thì bà chỉ là người bảo lãnh và số vàng này là hùn với vàng của bà để cố đất của bà T. Bà H không thừa nhận việc hùn vàng với bà K để cố đất. Bà K không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Bà T cũng xác định việc cố đất và giao vàng cho bà T là không có bà H nên lời trình bày của bà K là không có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến của bà K về việc buộc ông T và bà T phải thỏa thuận giao lại cho bà hợp đồng cố đất với giá cố là 20 chỉ vàng 24K cho bà hoặc là trừ tiền hui mà ông T hốt, xét thấy đây là một yêu cầu khác liên quan đến giao dịch khác giữa bà T, ông T và bà K không nằm trong yêu cầu giải quyết của vụ án này nên Hội đồng xét xử nhận thấy bà T không là người làm chứng trong vụ án mà Kiểm sát viên đề nghị hoãn phiên tòa để triệu tập bà T tham gia phiên tòa không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Yêu cầu của bà K đối với bà T, ông T là một giao dịch khác nếu tranh chấp thì có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

Về số tiền lãi: bà H yêu cầu bà K trả tiền lãi là 20.000.000 đồng. Xét thấy đối với giao dịch bằng vàng Ngân hàng nhà nước không quy định lãi suất nên bà H yêu cầu tính lãi suất là không có căn cứ tính lãi suất nên không chấp nhận.

Yêu cầu của bà H được chấp nhận một phần nên phần yêu cầu không được chấp nhận bà H phải chịu án phí là $20.000.000 \times 5\% = 1.000.000$ đồng.

Bà K phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà H được chấp nhận 11 chỉ vàng 24K x 3.560.000 đồng x 5% = 1.958.000 đồng.

Giá vàng 24K tại thời điểm xét xử được tính là 3.560.000 đồng/chỉ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H đối với bà Điệp Thị K. Buộc bà Điệp Thị K trả cho bà Huỳnh Thị H 11 (mười một) chỉ vàng 24K.

Không chấp nhận yêu cầu của bà H đối với bà K về việc trả tiền lãi số tiền là 20.000.000 đồng.

Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch đối với yêu cầu không được chấp nhận bà Huỳnh Thị H phải chịu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Ngày 27 tháng 11 năm 2017 bà Huỳnh Thị H đã nộp số tiền 1.550.000 đồng, tại chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Cà Mau theo biên lai thu tiền số 05955 được đối trừ chuyển thu án phí, bà H được nhận lại 550.000 đồng (năm trăm năm mươi ngàn đồng).

Án phí dân sự có giá ngạch bà Điệp Thị K phải chịu 1.958.000 đồng (một triệu chín trăm năm mươi tám ngàn đồng) (giá vàng tại thời điểm xét xử là 3.560.000 đồng/1 chỉ).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa